TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST
Ngày: 08/7/2019
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

Ông Trần Văn Tám.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Tăng Thị Điền, thư ký Tòa án.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 95/2019/TLST–DS ngày 16/4/2019 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXX-ST ngày 10/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị B, sinh năm 1959; (có mặt)
Địa chỉ: khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Dương Thị H, sinh năm 1959; (có mặt)
Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã P, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Nguyễn Thị B trình bày*: Năm 2009, do quen biết nên bà Nguyễn Thị B có cho bà Dương Thị H vay số tiền cụ thể các lần vay như sau: Ngày 16/02/2009 vay số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 27/02/2009 vay số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng 70.000.000 đồng. Bà H có viết biên nhận, thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, không có thỏa thuận thời gian trả tiền, khi nào cần tiền thì sẽ thông báo cho bà H. Bà Nguyễn Thị B đã nhiều lần yêu cầu bà H trả số tiền trên nhưng bà H không trả.

Từ tháng 03/2009 đến tháng 11/2009, bà Nguyễn Thị B có nhận lãi từ bà Dương Thị H là 09 tháng, mỗi tháng 3.500.000 đồng thành tiền là 31.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận tại thời điểm đó vượt quy định nên cần tính lãi từ ngày 27/02/2009 đến ngày 16/4/2019 là 123 tháng 19 ngày, lãi suất 1%/tháng thành tiền là 86.543.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B đồng ý trừ vào số tiền lãi mà bà Nguyễn Thị B đã nhận là 31.500.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà Dương Thị H có nghĩa vụ trả vốn gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 55.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Dương Thị H trình bày: Năm 2009, do quen biết bà Nguyễn Thị B nên bà Dương Thị H vay bà Nguyễn Thị B số tiền như sau: Ngày 16/02/2009 vay số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 27/02/2009 vay số tiền 20.000.000 đồng. Bà H có viết biên nhận, thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, không có thỏa thuận thời gian trả tiền. Bà Nguyễn Thị B có yêu cầu bà H trả số tiền trên nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà H xin trả nợ gốc xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị B thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện, bà Dương Thị H có nghĩa vụ trả vốn gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 55.000.000 đồng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật;

Bà Dương Thị H đồng ý trả số tiền 125.000.000 đồng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp; Thẩm quyền giải quyết; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự; Thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện; Thời hạn, thời hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân Sự năm 2005 và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án;

Các đương sự có mặt tại phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự nên vụ án được tiến hành xét xử theo quy định;

Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét;

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện việc thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi bổ sung này;

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc bà Dương Thị H có nghĩa vụ trả số tiền vay 70.000.000 đồng và tiền lãi 55.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy*:*

Căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ của bà Nguyễn Thị B thì bà Nguyễn Thị B có cho bà Dương Thị H vay số tiền cụ thể như sau: Ngày 16/02/2009 vay số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 27/02/2009 vay số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng 70.000.000 đồng. Bà H có viết biên nhận, thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, không có thỏa thuận thời gian trả tiền, khi nào cần tiền thì sẽ thông báo cho bà H. Bà Nguyễn Thị B đã nhiều lần yêu cầu bà H trả số tiền trên nhưng bà H không trả;

Từ tháng 03/2009 đến tháng 11/2009, bà Nguyễn Thị B có nhận lãi từ bà Dương Thị H là 09 tháng, mỗi tháng 3.500.000 đồng thành tiền là 31.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận tại thời điểm vay vượt quá quy định nên cần tính lãi từ

ngày 27/02/2009 đến ngày 16/4/2019 là 123 tháng 19 ngày, lãi suất 1%/tháng thành tiền là 86.543.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B đồng ý trừ vào số tiền lãi mà bà Nguyễn Thị B đã nhận là 31.500.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà Dương Thị H có nghĩa vụ trả vốn gốc là 70.000.000 đồng và tiền lãi là 55.000.000 đồng;

Căn cứ vào biên nhận ngày 16/02/2009 và biên nhận ngày 27/02/2009, thì bà Dương Thị H có vay hai lần tiền của bà Nguyễn Thị B, tổng cộng là 70.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H thừa nhận biên nhận trên là do bà viết và ký tên. Bà H đồng ý trả số tiền vốn gốc 70.000.000 đồng và tiền lãi 55.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội động xét xử nhận thấy: Bà Nguyễn Thị B có cho bà Dương Thị H vay số tiền cụ thể như sau: Ngày 16/02/2009 vay số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 27/02/2009 vay số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng 70.000.000 đồng. Bà H có viết biên nhận, không có thỏa thuận thời gian trả tiền, khi nào cần tiền thì sẽ thông báo cho bà H. Bà Nguyễn Thị B đã nhiều lần yêu cầu bà H trả số tiền trên nhưng bà H chưa trả số tiền trên cho bà Nguyễn Thị B. Do đó cần buộc bà Dương Thị H có nghĩa vụ trả số tiền 70.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị B;

Đối với phần lãi suất bà Nguyễn Thị B và bà Dương Thị H thỏa thuận miệng 5%/tháng, từ tháng 03/2009 đến tháng 11/2009, bà A có nhận lãi từ bà Dương Thị H là 09 tháng, mỗi tháng 3.500.000 đồng thành tiền là 31.500.000 đồng, lãi suất thỏa thuận tại thời điểm đó vượt quy định nên cần tính lãi từ ngày 27/02/2009 đến ngày 16/4/2019 là 123 tháng 19 ngày, lãi suất 1%/tháng thành tiền là 86.543.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B đồng ý trừ vào số tiền lãi mà bà Nguyễn Thị B đã nhận là 31.500.000 đồng nên còn lại là 55.043.000 đồng. Bà Nguyễn Thị B yêu cầu bà Dương Thị H trả số tiền lãi 55.000.000 đồng là có lợi cho bà Dương Thị H nên ghi nhận sự tự nguyện này của bà Nguyễn Thị B.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về thời gian trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị B đồng ý cho bà Dương Thị H trả dần như sau, khi bản án có hiệu lực pháp luật, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Đây là sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị B nên cần ghi nhận.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị B về thời gian trả tiền là có cơ sở, bởi vì bà Dương Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà A nên đã xâm phạm đến quyền lợi của bà A. Do đó cần buộc bà Dương Thị H có nghĩa vụ trả tiền vay 70.000.000 đồng và lãi 55.000.000 đồng, tổng cộng 125.000.000 đồng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên bà Dương Thị H là người cao tuổi nên cần xem xét miễn án phí cho bà H.

Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật Dân Sự năm 2005;

Áp dụng các điều 468, 688 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 92, 147, 220, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Buộc bà Dương Thị H có nghĩa vụ số tiền 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) (trong đó: tiền vay 70.000.000 đồng; tiền lãi 55.000.000 đồng); Về phương thức trả như sau: mỗi tháng trả 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi hết nợ, thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nếu bà Dương Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Bà Dương Thị H đươc miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.750.000 đồng (một triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002250 ngày 10/4/2019 và 1.890.000 đồng (một triệu, tám trăm chín mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002379 ngày 30/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
Lưu: HS, AV.

Trương Vĩnh Hữu